

Số: 1572/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 17 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2018-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-TTg ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Thông báo số 173/TB- VPCP ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về thông báo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Hội nghị toàn quốc triển khai xây dựng mô hình khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 37 /TTr-VPĐPNTM ngày 04 tháng 7 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2018-2020 (gọi tắt là Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu).

Điều 2. Phạm vi áp dụng.

Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu được áp dụng đối với các thôn, bản đã đạt các tiêu chí có áp dụng tại địa bàn thôn, bản trong Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu là căn cứ để xây dựng và triển khai kế hoạch phấn đấu đối với các thôn, bản (kể cả thôn, bản ở những xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới); là cơ sở để chỉ đạo, đánh giá, xét công nhận,



công bố thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2018-2020.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

1. Văn phòng Điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung tại Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện vướng mắc, phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh chỉ đạo, xử lý.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của tỉnh, hướng dẫn cụ thể việc xây dựng và thực hiện kế hoạch xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020; chỉ đạo, hỗ trợ các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí theo Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu quy định tại Quyết định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chỉ đạo triển khai xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch xây dựng thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018-2020; tổ chức đánh giá, xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu hàng năm theo đúng quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, thủ trưởng các cơ quan ban, ngành cấp tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- VP Điều phối CTXDNTM TW;
- TT HĐND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các TV BCĐ tỉnh các CTMTQG tỉnh;
- VP Điều phối CTMTQG XDNTM tỉnh;
- VP: LĐ và CV: TH, XDKH;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
ỦY CHỨC TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phương

**Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2018-2020**
(Kèm theo Quyết định số 1572/QĐ-UBND ngày 17/7/2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
1	Thu nhập	1.1. Thu nhập Thu nhập bình quân đầu người/năm của thôn, bản cao hơn từ 1,5 lần trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người/năm của xã đạt chuẩn nông thôn mới (tại thời điểm xét công nhận)	Đạt
2	Hộ nghèo	2.1. Tỷ lệ hộ nghèo¹	0%
3	Nhà ở, vườn hộ gia đình, hàng rào, công ngõ	3.1. Nhà ở	
		3.1.1. Tỷ lệ nhà ở dân cư đạt tiêu chuẩn theo quy định	100%
		3.1.2. Có phương án bảo đảm an toàn khi có thiên tai (bão, lụt,...)	Đạt
		3.2. Vườn hộ gia đình²	
		3.2.1. Tỷ lệ hộ đã thực hiện chỉnh trang vườn nhà và bảo đảm tỷ lệ cây xanh $\geq 35\%$ diện tích đất vườn	$\geq 80\%$
		3.2.2. Tỷ lệ hộ có đất vườn được canh tác các loại cây trồng thích hợp, hiệu quả, cho sản phẩm hàng hóa, có thu nhập; có ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất; bố trí cảnh quan đẹp, hài hòa; không còn các loại cây dại, cây tạp	$\geq 80\%$
		3.2.3. Vệ sinh môi trường đảm bảo; sản phẩm sạch, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định	Đạt
		3.3. Hàng rào, công ngõ	
3.3.1. Tỷ lệ hộ có hàng rào xanh (hàng rào bằng cây xanh hoặc hàng rào khác được trồng phủ cây xanh, trồng hoa)	$\geq 70\%$		
3.3.2. Công ngõ được xây dựng, chỉnh trang hài hòa với cảnh quan của làng quê	$\geq 70\%$		
4	Giáo dục, Y tế, Văn hóa	4.1. Giáo dục	
		4.1.1. Tỷ lệ huy động trẻ đi học mẫu giáo từ 90% trở lên	Đạt
		4.1.2. Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% ³	Đạt
		4.1.3. Trẻ em ở độ tuổi 11 tuổi hoàn thành chương	Đạt

¹ Đã trừ trường hợp diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo.

² Chỉ áp dụng đối với hộ có diện tích vườn $\geq 500m^2$.

³ Trừ những trường hợp trẻ không có khả năng đi học (khuyết tật)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
		trình tiểu học đạt từ 95% trở lên, và số còn lại đều đang học các lớp tiểu học	
		4.1.3. Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 tuổi đến 18 tuổi đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông hoặc giáo dục nghề nghiệp đạt từ 95% trở lên	Đạt
		4.2. Y tế	
		4.2.1. Dân số thường trú trên địa bàn thôn, bản được quản lý, theo dõi sức khỏe	$\geq 90\%$
		4.2.2. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	$\geq 95\%$
		4.3. Văn hóa	
		4.3.1. Thôn, bản được công nhận và giữ vững danh hiệu “Thôn văn hóa” liên tục tối thiểu 3 năm	Đạt
		4.3.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội đạt từ 95% trở lên	Đạt
		4.3.4. Có mô hình hoạt động văn hóa, thể thao tiêu biểu thu hút từ 60% trở lên số người dân thường trú trên địa bàn thôn tham gia. Có ít nhất 01 đội hoặc 1 câu lạc bộ văn hóa - văn nghệ hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt
5	Môi trường - cảnh quan	5.1 Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 90% trở lên; tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 50% trở lên	Đạt
		5.2. Có từ 60% trở lên số tuyến đường thôn có rãnh thoát nước và được trồng cây bóng mát hoặc trồng hoa, cây cảnh toàn tuyến (cây cách nhau $\leq 10m$)	Đạt
		5.3. Có mô hình bảo vệ môi trường (hợp tác xã, tổ hợp tác, tổ, đội, nhóm tham gia thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn, vệ sinh đường làng ngõ xóm và các khu vực công cộng; câu lạc bộ, đội tuyên truyền về bảo vệ môi trường) hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng	Đạt
		5.4. Có từ 90% trở lên số hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	Đạt
		5.5. 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn thực hiện xử lý rác thải, nước thải đạt tiêu chuẩn và đảm bảo bền vững	Đạt
		5.6. Tỷ lệ đường trục chính của thôn, xóm có hệ thống điện chiếu sáng, thường xuyên chiếu sáng vào ban đêm đạt $\geq 80\%$ đối với xã đồng bằng và $\geq 50\%$ đối với xã miền núi	Đạt

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu
6	An ninh, trật tự xã hội	6.1. Tỷ lệ người dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, các quy ước và hương ước của cộng đồng (nếu có)	100%
		6.2. Trong 03 năm liên tục trước năm xét, công nhận thôn nông thôn mới không có công dân thường trú ở thôn phạm tội nghiêm trọng trở lên; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm; được UBND xã quyết định công nhận 3 năm liên khu dân cư đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”	Đạt

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)
★ Nguyễn Văn Phương

